

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HSST
Ngày: 31/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thu Giang.
- *Hội thẩm nhân dân:* + Ông Đỗ Minh Trọng, Chánh thanh tra Sở lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng.
- + Bà Vương Ánh Ngân, Giám đốc Nhà thiếu nhi Kim Đồng - Thành phố Cao Bằng.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoài Anh, cán bộ Tòa án nhân dân Tỉnh Cao Bằng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng:* Bà Hoàng Thị Nguyệt, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Ngô A D (tên gọi khác Vừ A D), sinh ngày 10 tháng 6 năm 1988;
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng;
Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 3/12;
Con ông: Ngô A V, sinh năm 1960 và bà: Hoàng Thị Kh, sinh năm 1958;
Vợ: Hầu Thị C, sinh năm 1997;
Con: Có 01 con sinh năm 2017.
Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2017. Có mặt tại phiên tòa.

2. Linh Văn M, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1984.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N1, xã B1, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 1/12;

Con ông: Hoàng Văn E (*không rõ năm sinh*) và bà: Lương Thị L, sinh năm 1962;

Bố dượng: Linh Văn D (*đã chết*).

Vợ: La Thị L sinh năm 1981;

Con: Có 02 con (*con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011*);

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2017. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nông Văn S, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1992;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm N2, xã L, huyện B2, tỉnh Cao Bằng;

Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 11/12;

Con ông: Nông Văn Y, sinh năm 1968 và bà: Phùng Thị P, sinh năm 1967;

Vợ: Sần Thị C, sinh năm 1994;

Con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2017. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Lầu Thị V. Sinh ngày 12 tháng 02 năm 1995.

Trú tại: N3, xã M, huyện B2, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

*** Người có quyền lợi liên quan:**

- Ông **Sần Văn M**, sinh năm 1964.

Trú tại: Xóm C, xã L, huyện B2, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Ông **Vừ A Ch**, sinh năm 1969.

Trú tại: Xóm C2, xã B1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Ngô A D, Linh Văn M, Nông Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do có người em gái tên là Linh Thị L2 lấy chồng người Trung Quốc, nên Linh Văn M đã quen biết và trao đổi qua điện thoại với một người Trung Quốc tên là Nh, qua đó Nh bàn bạc với M về việc tìm phụ nữ dân tộc Mông để đem sang Trung Quốc bán cho những người chưa có gia đình.

Sau đó, M gặp Ngô A D và nói với D rằng em gái M ở bên Trung Quốc có người em chồng muốn lấy con gái Việt Nam về làm vợ, nếu D quen người nào thì đưa sang Trung Quốc sẽ được trả 2000 (*hai nghìn*) nhân dân tệ tiền công; để tạo lòng tin ở D, M đã cho D nói chuyện với ông Nh qua điện thoại.

Trong thời gian này Ngô A D làm quen với chị Lầu Thị V sinh năm 1995 người dân tộc Mông, trú tại: Xóm N3, xã M, huyện B2, tỉnh Cao Bằng. D thường xuyên gọi điện tán tỉnh V và rủ V về nhà D ở huyện Q để làm vợ.

Ngày 22/11/2016 M gọi điện thoại cho D, thì được D trả lời là có người rồi (*ý nói Lầu Thị V*). Nghe vậy, M đưa xe mô tô biển kiểm soát 11Z1-6872 cho D xuống xã M, huyện B2 đón V. Rồi M gọi điện cho Nông Văn S và hẹn gặp nhau tại chợ bò xã G, M nói với S: “*Thằng D đã lừa con kia được rồi, bây giờ tao với mày đi theo nó đưa con này sang bên kia (tức Trung Quốc) rồi lấy tiền công mang về*”, S đồng ý và cả hai đi xe mô tô biển kiểm soát 11B1 - 03810 do S mượn của ông Sần Văn M (*bố vợ S*) về nhà M đợi D.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, D đón V tại Trường tiểu học xã M rồi chở V đi theo hướng thị trấn B. Đến km 9 thuộc xã B1, huyện B, tỉnh Cao Bằng, D gặp M và S, sau đó cả 2 quay xe lại đi theo D ra đến biên giới Việt - Trung. Tại đây, người đàn ông tên Nh đã đứng đợi cùng 01 chiếc xe ô tô ở bên Trung Quốc, M trực tiếp sang trao đổi với Nh rồi nhận 500NDT (*năm trăm nhân dân tệ*), Nh nói sẽ đưa nốt số tiền còn lại cho người nào cùng Nh đưa V đi sâu vào nội địa Trung Quốc, nên M bảo D: “*Nó người Mông, mày cũng người Mông, mày đi theo nó nhé, anh người Tày không biết cách nói sợ nó không đi*”. Thấy D đồng ý, M nói với V: “*Em đi với chồng em đi, anh mang xe máy về*”. Nghe thế V liền đi qua

biên giới sang đất Trung Quốc, lên xe ô tô do Nh điều khiển với D. Sau đó M quay lại chỗ S rồi đưa cho S 200NDT (*hai trăm nhân dân tệ*) và cùng S về nhà.

Trên đường đi vào nội địa Trung Quốc, Nh đưa cho D 460.000đ,00 (*bốn trăm sáu mươi nghìn đồng tiền*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Nh đưa D và V vào một nhà nghỉ để ngủ. Sáng ngày 23/11/2016, Nh tiếp tục đưa D và V đến một gia đình người Trung Quốc không rõ địa chỉ và ở lại đó hai ngày. Ngày thứ ba, Nh lại đưa D và V lên xe đi tiếp vào sâu trong nội địa đến một gia đình người Trung Quốc khác. Khi được gia đình này đồng ý mua chị Lầu Thị V, Nh đưa D quay về Việt Nam, đồng thời Nh cũng bảo D cầm theo chiếc điện thoại của V (*trước đó V nhờ D sạc pin hộ*).

Trên đường về Việt Nam, Nh đưa cho D 02 phong bì, mỗi phong bì có 1500NDT (*một nghìn năm trăm nhân dân tệ*) và dặn D đưa cho M một cái, phần còn lại là của D. Đến thị trấn B, D đổi 1.500 NDT (*một nghìn năm trăm nhân dân tệ*) được 4.600.000đ,00 (*bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền Việt Nam. Sau đó D gọi cho M hẹn gặp ở km 19 thuộc xã B1, huyện B rồi đưa cho M 1.500 NDT (*một nghìn năm trăm nhân dân tệ*).

Đối với Lầu Thị V, sau khi chờ 03 ngày không thấy D quay lại đồng thời cũng bị giam lỏng trong phòng nên mới biết D đã bán mình cho gia đình người Trung Quốc này làm vợ. Sau 02 lần bỏ trốn không được, đến ngày 01/12/2016, lợi dụng sơ hở V trốn về Việt Nam. Ngày 28/12/2016 trong khi đi chợ thị trấn P1, B2 thì nhìn thấy D, qua dò hỏi mọi người biết được tên tuổi thật và nơi ở của D, nên chị V đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B2 tố cáo D về hành vi lừa bán mình sang Trung Quốc.

Bản cáo trạng số: 21/KSĐT-TA ngày 31/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị can Ngô A D, Linh Văn M, Nông Văn S về tội Mua bán người theo quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo khai nhận như sau:

- Bị cáo Ngô A D khai: Do trước đó đã quen Linh Văn M, qua nói chuyện M đề cập về việc lừa bán con gái Việt Nam sang Trung Quốc và được trả từ 7000 - 8000 nhân dân tệ, D sẽ được nhận tiền công từ 1.500 - 2.000 nhân

dân tệ; M còn hướng dẫn D nói mình chưa có vợ và nhà ở huyện Q khi gặp Lầu Thị V, D đã trực tiếp gọi điện thoại và gặp Lầu Thị V, D cho rằng không có tình cảm với chị V mà ngay từ ban đầu đã có ý định lừa bán V. Ngày 22/11/2016 D nói với V là đưa về nhà tại huyện Q làm vợ, Lầu Thị V đồng ý đi theo. Sau đó D đưa Lầu Thị V bằng xe mô tô của M theo hướng cửa khẩu P1 - B đi sang đất Trung Quốc và lên xe của người đàn ông Trung Quốc tên là Nh đi vào sâu nội địa Trung Quốc. D được Nh trả 3.000 nhân dân tệ và 460.000đ tiền Việt Nam, trong đó, D đã đưa cho Linh Văn M 1500 nhân dân tệ, số tiền còn lại D đã chi tiêu cho cá nhân.

- Bị cáo Linh Văn M thừa nhận là người đề cập với Ngô A D việc lừa bán con gái Việt Nam, M nói với D nếu là người Mông càng tốt vì người Mông dễ tin người, dễ lừa và làm việc chăm chỉ. M đã 2 lần gọi điện cho D hỏi về việc tìm người đưa sang Trung Quốc, đến khi D nói đã lừa được Lầu Thị V thì M cho D mượn xe mô tô biển kiểm soát 11Z1- 6872 đi đón V, ngoài ra M còn cho D 50.000đ,00 để mua xăng và thẻ điện thoại. Sau đó M rủ thêm Nông Văn S cùng đi theo sau Ngô A D trong chặng đường đến biên giới Việt - Trung. Khi sang đất Trung Quốc, Linh Văn M là người trực tiếp giao dịch với Nh. Trong vụ án này M nhận được 2000 (*hai nghìn*) nhân dân tệ, bị cáo đã đưa cho S 200 nhân dân tệ. Số tiền còn lại bị cáo dùng cho việc chi tiêu cá nhân. Còn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11Z1-6872 M bán cho anh Vừ A Ch sau khi đưa Lầu Thị V sang Trung Quốc, anh Ch hoàn toàn không biết M đã lấy xe đó để thực hiện hành vi mua bán người.

- Bị cáo Nông Văn S cho rằng: Linh Văn M là người rủ bị cáo cùng thực hiện hành vi mua bán Lầu Thị V và được M hứa trả cho 500 (năm trăm) nhân dân tệ. Sau khi đã bán được Lầu Thị V sang Trung Quốc, M đã đưa cho S 150 (*một trăm năm mươi*) nhân dân tệ, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh phản ánh bị cáo được chia 200 (*hai trăm*) nhân dân tệ là không đúng. S thừa nhận được chở Linh Văn M bằng xe máy đến biên giới Việt - Trung, S biết mục đích của M là bán V sang Trung Quốc, nhưng không được bàn bạc về việc này. Đối với số tiền nhận được từ việc bán Lầu Thị V bị cáo đã sử dụng cho cá nhân. Chiếc xe mô tô BKS 11B1- 03810 Nông Văn S chở M đến biên giới Việt - Trung là xe của ông Sần Văn M, khi S mang xe đi thực hiện hành vi bán V sang

Trung Quốc, ông M không biết vì S là con rể nên thường xuyên sử dụng xe của ông S.

Người bị hại Lầu Thị V khai: Khoảng tháng 9/2016 (*âm lịch*) Lầu Thị V quen Ngô A D. Qua nói chuyện, tán tỉnh D nói là người ở huyện Q và muốn lấy V làm vợ. Vì tin lời của D nên tối ngày 23/10/2016 (*âm lịch*) V đã đồng ý đi cùng D. Khi đến biên giới thấy nhiều chữ Trung Quốc, V thắc mắc thì D trả lời đi qua đường tắt về nhà cho gần. Trên đường V thấy có 02 người đàn ông lái xe mô tô đi cùng. Sau khi đến biên giới V với D đi bộ sang, người con trai Việt Nam, tại phiên tòa V xác định là Linh Văn M và Nông Văn S; M đã nói với V: “*Em đi theo chồng em đi, anh mang xe về*”. Sau đó V, D lên xe ô tô do Nh lái đến nhà một người Trung Quốc. Cho đến khi D bỏ đi không quay lại, V mới biết mình đã bị bán. Người bị hại Lầu Thị V đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo và bồi thường danh dự, nhân phẩm cho chị là 30.000.000đ,00. Tuy nhiên, sau khi được giải thích, chị V nhất trí đề nghị được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan Sần Văn M đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11B1-03810 vì giấy tờ đăng ký xe mang tên Sần Văn N khi S sử dụng chiếc xe trên để thực hiện hành vi mua bán người, ông M không biết.

Người có quyền lợi liên quan Vừ A Ch đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11Z1 - 6872 vì giấy tờ đăng ký xe mang tên Nông Văn Th nhưng Th đã bán cho Linh Văn M. Trước khi mua xe của M anh Ch không biết M đã dùng chiếc xe nói trên để thực hiện hành vi mua bán Lầu Thị V sang Trung Quốc.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Ngô A D, Linh Văn M, Nông Văn S về tội “**Mua bán người**”; và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

- Đối với Linh Văn M; Mặc dù bị cáo có trình độ văn hóa thấp, nhưng buộc phải có hiểu biết nhất định về pháp luật chỉ vì hám lời, nghe theo hướng dẫn của người đàn ông Trung Quốc tên Nh mà đã bày cách cho Ngô A D lừa chị Lầu Thị V sang Trung Quốc bán. Ngoài ra, Linh Văn M còn tạo điều kiện

như cung cấp xe máy, tiền để Ngô A D thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, M có vai trò là người tổ chức và cầm đầu trong vụ án.

- Đối với Ngô A D: Biết rõ việc lừa chị V làm vợ để đưa sang Trung Quốc bán là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo có vai trò thực hành tích cực trong vụ án.

- Đối với Nông Văn S: Bị cáo có trình độ văn hóa 11/12, hiểu biết đầy đủ về xã hội, nhưng không tham gia bàn bạc với M và D về kế hoạch phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo biết rõ việc M và D đưa chị V sang Trung Quốc bán. Do vậy, quyết định rút truy tố Nông Văn S về tình tiết “*có tổ chức*” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với cả 3 bị cáo vì các bị cáo đã khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị:

+ Áp dụng điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Ngô A D từ 07 đến 08 năm tù;

- Bị cáo Linh Văn M từ 09 đến 10 năm tù;

+ Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn S từ 05 đến 06 năm tù.

Áp dụng Điều 592 Bộ luật Dân sự 2015 buộc các bị cáo Ngô A D, Linh Văn M, Nông Văn S phải liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại Lầu Thị V theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ theo quy định của pháp luật. Đề nghị tịch thu để phát mại sung công quỹ chiếc xe mô tô biển kiểm soát BKS 11 Z1- 6872 và buộc bị cáo Linh Văn M phải trả lại cho ông Vừ A Ch 10.000.000đ,00.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa Linh Văn M không có ý kiến đối với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Bị cáo Ngô A D

cho rằng mức hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị đối với bị cáo là quá cao. Bị cáo Nông Văn S cho rằng bị cáo không được bàn bạc trong vụ mua bán Lầu Thị V, bị cáo chỉ chở M đi thực hiện hành vi mua bán người để lấy tiền công do đó, Viện kiểm sát đề nghị truy tố bị cáo với tình tiết định khung tại điểm đ khoản 2 Điều 119 và đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 - 06 năm tù là cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt.

Người bị hại Lầu Thị V nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo. Nhưng đề nghị được bồi thường danh dự, nhân phẩm với số tiền là 30.000.000đ,00 (*ba mươi triệu đồng*).

Ông Sần Văn M và ông Vừ A Ch đề nghị được trả lại xe máy vì cho rằng các ông không biết về việc các bị cáo dùng hai chiếc xe này để thực hiện hành vi phạm tội.

Khi được nói lời sau cùng, cả 3 bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi liên quan.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo Ngô A D, Linh Văn M, Nông Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã được mô tả trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Các bị cáo biết rằng việc lừa bán người sang Trung Quốc là vi phạm pháp luật, nhưng do háo lợi nên ngày 22/11/2016 đã lừa chị Lầu Thị V đưa sang Trung Quốc để bán lấy tiền. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh truy tố các bị cáo về tội Mua bán người là đúng, không oan.

Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp các biên bản ghi lời khai trong quá trình điều tra và lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan cũng như vật chứng của vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 22/11/2016 các bị cáo Ngô A D, Linh Văn M, Nông

Văn S cùng đưa chị Lầu Thị V sang Trung Quốc bán. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến các quyền cơ bản của con người - quyền được người khác tôn trọng về danh dự, nhân phẩm, sức khỏe và hơn hết là quyền tự do của con người; các bị cáo đã coi người phụ nữ như hàng hóa để trao đổi, mua bán kiếm tiền, thu lợi bất chính; các bị cáo còn lợi dụng chính sách mở cửa biên giới thông thoáng giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc để thực hiện hành vi phạm tội của mình. Đặc biệt bị cáo Ngô A D và Linh Văn M còn lợi dụng sự hạn chế về trình độ văn hóa, xã hội, kỹ năng sống, sự nhẹ dạ, mất cảnh giác và phong tục tập quán của người dân tộc Mông ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa mà lừa dối, tạo lòng tin để đưa chị Lầu Thị V sang Trung Quốc cưỡng ép kết hôn trái ý muốn.

Tại phiên tòa hôm nay, cả 03 bị cáo đều cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, muốn có tiền trang trải cuộc sống gia đình, khi biết đàn ông Trung Quốc có nhu cầu lấy vợ là con gái Việt Nam nên đã cùng nhau bàn bạc, trao đổi về cách thức tiếp cận, thuyết phục để chị Lầu Thị V tin tưởng và đi theo Ngô A D. Linh Văn M chính là người gợi ý để Ngô A D nói với chị V là chưa có vợ và nhà ở huyện Q, từ đó sẽ có lý do đưa chị Lầu Thị V đi trên đoạn đường dài từ nhà đến Trung Quốc, nhưng làm cho chị V lầm tưởng là đường từ huyện B2 sang huyện Q, do đó chị V đã không phản ứng mà hoàn toàn tin tưởng đi cùng D trong 3 ngày đường. Ngoài ra, Linh Văn M còn cho D tiền để mua xăng, thẻ điện thoại và cho mượn phương tiện để đưa chị V đến biên giới. Ngô A D là người trực tiếp dùng điện thoại tiếp cận chị Lầu Thị V, tối ngày 22/11/2016 D đã dùng xe máy của M đưa chị Lầu Thị V đến biên giới Việt - Trung, sau đó lại cùng Nh đưa chị V vào sâu trong nội địa Trung Quốc để bán làm vợ cho một người đàn ông Trung Quốc.

Xét vai trò và tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Ngô A D và Linh Văn M trong vụ án này như sau: Hai bị cáo đã có sự trao đổi, bàn bạc về phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù chưa có sự bàn bạc cụ thể để phân công phần việc của từng người, nhưng có đủ căn cứ để nhận thấy Linh Văn M và Ngô A D đã thống nhất về vai trò của từng bị cáo và cùng liên kết, tạo điều kiện với nhau để thực hiện và che dấu hành vi phạm tội của mình. Trong

đó, Linh Văn M là kẻ chủ mưu, cầm đầu; còn Ngô A D là kẻ thực hiện hành vi phạm tội tích cực.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố Ngô A D và Linh Văn M để xét xử về tội Mua bán người theo quy định tại điểm b, điểm đ Điều 119 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung là có tổ chức và để đưa ra nước ngoài là có căn cứ và đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nông Văn S, qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, cho thấy vai trò của bị cáo trong vụ án này là thứ yếu. Hội đồng xét xử xét thấy, không đủ căn cứ để cho rằng Nông Văn S được tham gia bàn bạc ngay từ giai đoạn chuẩn bị của vụ án. S chỉ được M hứa sẽ trả một khoản tiền nếu S đưa M đi theo D. Bị cáo chỉ biết và cùng với Linh Văn M thực hiện hành vi phạm tội sau khi Ngô A D lừa được chị Lầu Thị V và đã trên đường đưa chị V ra biên giới Việt - Trung. Xét thấy, Nông Văn S là người giúp sức cho Ngô A D và Linh Văn M thực hiện trót lọt việc đưa chị Lầu Thị V ra nước ngoài để bán. Do vậy, việc truy tố Nông Văn S về tội Mua bán người với tình tiết định khung "*có tổ chức*" quy định tại điểm b Điều 119 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác. Do đó, chấp nhận đề nghị rút truy tố đối với bị cáo Nông Văn S về tình tiết định khung "*có tổ chức*" theo quy định tại điểm b Điều 119 Bộ luật Hình sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa hôm nay. Tuy nhiên, Nông Văn S vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đưa chị Lầu Thị V ra nước ngoài để bán được quy định tại điểm đ Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy cần thiết phải cách ly cả 3 bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để chính bản thân các bị cáo tự trả giá cho hành vi phạm tội của mình, cho ý thức coi thường tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ nói chung và phụ nữ dân tộc Mông nói riêng. Bên cạnh đó, việc áp dụng hình phạt tù đối với Vũ A D, Linh Văn M và Nông Văn S còn góp phần nâng cao ý thức giáo dục pháp luật trong quần chúng nhân dân, đặc biệt là những trường hợp dễ bị tổn thương, có trình độ văn hóa thấp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nhẹ dạ, cả tin... là đối tượng mà kẻ phạm tội trong các vụ án Mua bán người hướng tới. Việc buộc các bị cáo

phải chấp hành hình phạt tù cũng góp phần vào công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm ở địa phương, đặc biệt là vấn nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em đang có chiều hướng gia tăng trên phạm vi quốc gia và quốc tế.

Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; trong qua trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do vậy khi quyết định hình phạt cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy đề nghị xử phạt bị cáo Ngô A D từ 7 đến 8 năm tù về tội Mua bán người theo quy định tại điểm b, điểm đ Điều 119 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Văn S từ 5 đến 6 năm tù theo quy định tại điểm đ Điều 119 Bộ luật Hình sự của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Linh Văn M cũng cần xem xét đến việc bị cáo là người có trình độ văn hóa thấp, sống ở vùng sâu, vùng xa; có em gái đã sang lấy chồng Trung Quốc, nên suy nghĩ đơn giản về việc đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc để cưỡng ép kết hôn. Vì vậy, cần cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

Về số tiền do các bị cáo phạm tội mà có, vật chứng và tài sản tạm giữ của vụ án: Sau khi xem xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và lời khai của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa cũng như căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định và xử lý như sau:

*** *Đối với số tiền do các bị cáo phạm tội mà có:*** Các bị cáo khai nhận sau khi phạm tội đã đổi 3.500 nhân dân tệ sang tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân, do đó cần truy thu để sung công quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử căn cứ vào Công văn số 419/CAB-TH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Cao Bằng để quy đổi như sau: 1 CNY = 3.308, 43 VNĐ. Do vậy, các bị cáo phải nộp truy thu vào ngân sách Nhà nước số tiền như sau:

- Ngô A D phải nộp truy thu: 1.500 nhân dân tệ x 3.308,43 = 4.962.645 đ,00.

Ngoài ra bị cáo D còn nhận của người đàn ông tên Nh 460.000đ,00 khi đưa chị V sang Trung Quốc bán. Do đó, Ngô A D phải nộp truy thu tổng cộng là: 5.422.645đ,00 (*năm triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi lăm ngàn*).

- Linh Văn M phải nộp truy thu: 1.850 nhân dân tệ x 3.308,43 = 6.120.595đ,00 (*sáu triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm chín mươi lăm ngàn*). Do không có đủ căn cứ chứng M Linh Văn M đã đưa cho Nông Văn S 200 nhân dân tệ như lời khai của bị cáo, vì Nông Văn S chỉ thừa nhận được M trả 150 nhân dân tệ tiền công đưa M ra biên giới.

- Nông Văn S phải nộp truy thu: 150 nhân dân tệ x 3.308,43 = 496.264đ,00 (*bốn trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm sáu mươi tư đồng*).

****Về trách nhiệm dân sự:***

Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến danh dự, nhân phẩm của người bị hại Lầu Thị V và tại phiên tòa hôm nay, chị V cũng đề nghị các bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 592 Bộ luật Dân sự cần buộc các bị cáo phải bù đắp về tổn thất tinh thần cho chị Lầu Thị V một khoản tiền bằng 10 tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 13.000.000đ,00 (*mười ba triệu đồng*).

Ngoài ra, khi đưa chị V sang Trung Quốc, Ngô A D đã cầm chiếc điện thoại di động của chị Lầu Thị V về Việt Nam, chị V khai có giá trị 700.000đ,00. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ngô A D đồng ý với chị V về trị giá chiếc điện thoại di động và nhất trí về việc đền bù cho chị Lầu Thị V.

Từ những nhận định như trên, cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Lầu Thị V căn cứ trên tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng người. Cụ thể như sau:

- Bị cáo Ngô A D phải chịu 5.000.000đ,00 (*năm triệu đồng*) bù đắp tổn thất về tinh thần và 700.000đ,00 (*bảy trăm nghìn đồng*) trị giá chiếc điện thoại

di động do D mang về Việt Nam; tổng cộng là 5.700.000đ,00 (*năm triệu bảy trăm ngàn đồng*).

- Bị cáo Linh Văn M phải chịu 5.000.000đ,00 (*năm triệu đồng*) bù đắp tổn thất về tinh thần.

- Bị cáo Nông Văn S phải chịu 3.000.000đ,00 (*ba triệu đồng*) bù đắp tổn thất về tinh thần cho chị Lầu Thị V.

Căn cứ quy định của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án cần buộc 03 bị cáo chịu án phí dân sự đối với khoản tiền bồi thường nói trên.

*** *Đối với đề nghị được trả lại xe máy của ông Sần Văn M và ông Vừ A Ch, Hội đồng xét xử xét thấy:***

- Khi Nông Văn S dùng chiếc xe mô tô Wave RS biển kiểm soát 11 B1 - 038.10 để đưa Linh Văn M ra biên giới Việt Trung, bị cáo không trao đổi, không bàn bạc với ông Sần Văn M và ông M cũng không biết bị cáo dùng xe của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho ông M; đồng thời trả lại cho ông Sần Văn M 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số 006251 mang tên Sần Văn N.

- Sau khi cho Ngô A D dùng chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 11Z1 - 6872 chở chị Lầu Thị V sang biên giới Việt - Trung, Linh Văn M đã bán chiếc xe này cho ông Vừ A Ch với giá 10.000.000đ,00. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, ông Vừ A Ch đều có đề nghị được trả lại xe. Xét thấy, ông Vừ A Ch không biết việc các bị cáo sử dụng xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 11Z1 - 6872 để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần chấp nhận đề nghị của ông Vừ A Ch, đồng thời trả lại cho ông Vừ A Ch 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số 023922 mang tên Nông Văn Th.

- Khoản tiền 10.000.000đ,00 do Linh Văn M bán xe mô tô biển kiểm soát 11Z1 - 6872, cần truy thu để sung công quỹ do đây là khoản tiền bị cáo tẩu tán phương tiện phạm tội mà có.

*** *Đối với vật chứng và tài sản tạm giữ khác:***

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel - A126, số IMEL: 355000112813044 của Linh Văn M;

+ 01 điện thoại Nokia Lumia 520 màu trắng, đen đã cũ; màn hình bị nứt, vỡ; số IMEL: 359965054568077 của Nông Văn S.

- Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại Viettel do các bị cáo dùng để liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, có số thuê bao là: 0169.4235.150 của Ngô A D do bị cáo dùng để liên lạc, làm quen với chị Lầu Thị V; 0166.9950.576 của Linh Văn M; 0168.3978.308 của Nông Văn S.

- Tiêu hủy: 01 chiếc quần dài nữ giới bằng vải màu đen, có viền đỏ ở cạp quần và túi quần và 01 chiếc áo khoác mùa đông, vải màu đen của Lầu Thị V đều đã cũ không có giá trị sử dụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Ngô A D, Linh Văn M, Nông Văn S phạm tội **“Mua bán người”**.

- Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 119; Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô A D và Linh Văn M:

Xử phạt bị cáo Ngô A D 07 (bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt tạm giam 15 tháng 02 năm 2017.

Xử phạt bị cáo Linh Văn M 08 (tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/02/2017.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn S 05 (năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam 16/02/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 592 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc các bị cáo Ngô A D, Linh Văn M, Nông Văn S phải bồi thường và liên đới bù đắp về tổn thất tinh thần cho người bị hại Lầu Thị V, trú tại N3, xã M, huyện B2, tỉnh Cao Bằng số tiền 13.700.000đ (*mười ba triệu bảy trăm ngàn đồng*). Cụ thể như sau:

- Bị cáo Ngô A D bồi thường và bù đắp về tổn thất tinh thần là 5.700.000đ,00 (*năm triệu bảy trăm nghìn đồng*).

- Bị cáo Linh Văn M phải bù đắp về tổn thất tinh thần là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

- Bị cáo Nông Văn S phải bù đắp về tổn thất tinh thần là 3.000.000đ (*ba triệu đồng chẵn*).

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

* Truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có: tính theo mệnh giá quy đổi là: 01 CNY = 3.308,43 VNĐ. Cụ thể các bị cáo phải nộp truy thu số tiền như sau:

+ Bị cáo Ngô A D: 1.500 (*một nghìn năm trăm*) nhân dân tệ x 3.308,43 = 4.962.645đ và 460.000đ,00.

Tổng cộng Ngô A D phải nộp truy thu số tiền là 5.422.645đ (*năm triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi năm đồng*).

+ Bị cáo Linh Văn M: 1.850 (*một nghìn tám trăm năm mươi*) nhân dân tệ x 3.308,43 = 6.120.595đ,00 (*sáu triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm chín mươi năm đồng*) và 10.000.000đ,00 (*mười triệu đồng*) tiền bán chiếc xe máy biển kiểm soát 11Z1 - 6872.

Tổng cộng Linh Văn M phải nộp truy thu là 16.120.595đ,00 (*mười sáu triệu một trăm hai mươi ngàn năm trăm chín mươi lăm ngàn*).

+ Bị cáo Nông Văn S: 150 nhân dân tệ x 3.308, 43 = 496.264 đ,00 (*bốn trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm sáu mươi tư đồng*).

* Tích thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel - A126, số IMEL: 355000112813044 màu đỏ, đen đã cũ của Linh Văn M;

- 01 (một) điện thoại Nokia Lumia 520, số IMEL: 359965054568077, màu trắng đen đã cũ màn hình bị nứt, vỡ của Nông Văn S;

* Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại Viettel lần lượt có số thuê bao: 0166.9950.576 của Linh Văn M; 0168.3978.308 của Nông Văn S và 0169.4235.150 của Ngô A D.

* Trả lại tài sản tạm giữ cho người có quyền lợi liên quan:

- Trả lại cho ông Vừ A Ch, trú tại Xóm C2, xã B1, huyện B, tỉnh Cao Bằng: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave màu đen, loại xe hai bánh, biển kiểm soát 11Z1 - 6872, số máy 1259398, số khung 059360 và 01 Giấy đăng ký mô tô xe máy số 023922 mang tên Nông VănTh, biển số đăng ký 11Z1 - 6872;

- Trả lại cho ông Sần Văn M, trú tại Xóm C, xã L, huyện B2, tỉnh Cao Bằng: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RS màu đỏ - trắng - đen, loại xe hai bánh, biển kiểm soát 11B1 - 038.10, số máy 0008994, số khung 701619 và 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 006251, biển số đăng ký là 11B1 - 038.10 mang tên Sần Văn N.

* Tịch thu để tiêu hủy vì không có giá trị sử dụng:

- 01(một) chiếc quần dài của nữ giới bằng vải màu đen, có viền đỏ ở cạp quần, và túi quần, quần cũ đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc áo khoác mùa đông, loại của nữ giới, bằng vải màu đen kẻ ca rô, đã qua sử dụng.

Xác nhận toàn bộ vật chứng trên đã chuyển đến Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng, tại Biên bản bàn giao vật chứng số: 46, ngày 05/6/2017.

4. Về án phí:

- Ngô A D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 285.000đ,00 (hai trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự có giá

ngạch. Tổng cộng bị cáo phải nộp 485.000đ,00 (bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng) án phí để sung công quỹ Nhà nước;

- Linh Văn M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 250.000đ,00 (hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước. Tổng cộng bị cáo phải nộp 450.000đ,00 (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí để sung công quỹ Nhà nước;

- Nông Văn S phải chịu 200.000đ,00 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 20.000đ,00 (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước. Tổng cộng bị cáo phải nộp 400.000đ,00 (bốn trăm ngàn đồng) án phí để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan. Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng PC 45 Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại giam CA tỉnh CB;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thu Giang